ベトナム語版

国民健康保険のてびき

Hướng dẫn Bảo hiểm Y tế Quốc gia

国民健康保険制度とは
Hệ thống Bảo hiểm Y tế Quốc gia là gì?

日本では、日本に住む全ての人が健康保険に加入することになっています。

国民健康保険は、加入者の皆さんが病気やけがをしたときに安心して治療が受けられるよう、みんなでお金を出し合う相互扶助を目的とした医療保険制度です。

Tại Nhật Bản, tất cả mọi người sinh sống tại Nhật Bản đều bắt buộc phải tham gia bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm Y tế Quốc gia là một hệ thống bảo hiểm y tế dựa trên nguyên tắc tương trợ, trong đó mọi người cùng đóng góp tiền để đảm bảo các thành viên có thể yên tâm nhận được điều trị khi ốm đau hoặc bị thương.

国民健康保険のしくみ　Hệ thống Bảo hiểm Y tế Quốc gia



国民健康保険に加入する人

Những người đăng ký tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia

日本に3か月より長く住む外国人の方は、国民健康保険に加入します。ただし、以下の場合は国民健康保険に加入できません。

国民健康保険に加入できない人

・会社の健康保険に加入している人

・学校、官公庁などの共済組合に加入している人

・家族の会社の健康保険の被扶養者の人

・日本に住む期間が3か月以下の人※1

※1　3か月以下でも加入できる場合もあります。

国民健康保険に加入したら

資格情報のお知らせ、または資格確認書が交付されます。本人だけが使うものですので、大切に扱ってください。

病院などを受診する時

マイナンバーカードを持っている人は、保険証登録をすればマイナンバーカードを保険証（マイナ保険証）として使えます。病気やケガをしたときは、病院などの受付でマイナ保険証か資格確認書を提示してください。

病院などを受診する時に必要なもの

マイナ保険証を持っている人	マイナ保険証
マイナ保険証を持っていない人	資格確認書

Người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản hơn ba tháng bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia. Tuy nhiên, bạn không thể đăng ký tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia trong các trường hợp sau:

Những người không đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia

・Những người đang tham gia bảo hiểm y tế của công ty

・Những người là thành viên của các hiệp hội bảo hiểm tương trợ dành cho trường học, cơ quan chính phủ, v.v.

・Người phụ thuộc vào bảo hiểm y tế của công ty của thành viên gia đình

・Những người sinh sống tại Nhật Bản trong thời gian ba tháng hoặc ít hơn.[1]

[1]Trong một số trường hợp, bạn có thể được tham gia ngay cả khi thời gian lưu trú của bạn dưới ba tháng.

Nếu bạn tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia

Bạn sẽ nhận được thông báo về tư cách bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận tư cách bảo hiểm.
Chỉ người tham gia bảo hiểm mới được dùng, hãy giữ gìn cẩn thận.

Khi đi khám ở bệnh viện hoặc cơ sở y tế khác.

Nếu bạn có Thẻ My Number, bạn có thể sử dụng nó như thẻ bảo hiểm y tế của mình (Thẻ Bảo hiểm Y tế My Number) sau khi đăng ký chức năng thẻ bảo hiểm. Nếu bạn bị ốm hoặc bị thương, vui lòng xuất trình thẻ bảo hiểm y tế My Number hoặc giấy chứng nhận tư cách bảo hiểm tại quầy lễ tân của bệnh viện hoặc cơ sở y tế khác.

Những vật dụng cần thiết khi đến bệnh viện hoặc cơ sở y tế khác.

Những người có thẻ bảo hiểm y tế My Number	Thẻ bảo hiểm y tế My Number
Những người không có thẻ bảo hiểm y tế My Number	Giấy xác nhận tư cách bảo hiểm

国民健康保険に加入したら保険税を支払います

Nếu bạn tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia, bạn sẽ đóng phí bảo hiểm.

国民健康保険に加入したら、保険税を支払わなければなりません。納入通知書が届いたら、必ず決められた期限までに支払いましょう。

⊙「口座振替」でのお支払いが便利です。銀行などの金融機関で申し込みができます。

⊙保険税の支払いが遅くなると、督促手数料や延滞金が徴収される場合があります。

Nếu bạn tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia, bạn phải đóng phí bảo hiểm. Sau khi nhận được thông báo thanh toán, hãy nhớ thanh toán trước thời hạn quy định.

⊙Thanh toán bằng "chuyển khoản ngân hàng" rất tiện lợi. Bạn có thể nộp đơn tại các tổ chức tài chính như ngân hàng.

⊙Nếu bạn chậm thanh toán phí bảo hiểm, bạn có thể bị tính phí cấp giấy nhắc nộp hoặc lệ phí chậm thanh toán.

保険給付　Quyền lợi bảo hiểm

みなさんの保険税などを財源として、様々な給付を受けられます。

Bạn có thể nhận được nhiều quyền lợi khác nhau từ tiền thuế bảo hiểm và các khoản đóng góp khác.

療養の給付

病気やケガをしたときに、医療費が以下の負担割合に応じた支払いになります。(残りの医療費は国民健康保険が負担します)

＜年齢などによって負担割合は異なります＞

義務教育就学前	2割
義務教育就学後70歳未満	3割
70歳以上75歳未満	2割または3割

Trợ cấp điều trị

Khi bạn bị ốm hoặc bị thương, chi phí y tế sẽ được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm sau đây. (Các chi phí y tế còn lại sẽ được bảo hiểm y tế quốc gia chi trả.)

＜Tỷ lệ chi phí bạn phải trả sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ tuổi và các yếu tố khác.＞

Trước khi bắt đầu giáo dục bắt buộc	20%
Dưới 70 tuổi sau khi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc	30%
Từ 70 tuổi trở lên và dưới 75 tuổi	20% hoặc 30%

その他の給付

⊙医療費が一定額以上になると払い戻しを受け取れる(高額療養費)

⊙出産した後に一時金を受け取れる(出産育児一時金)

など

Các lợi ích khác

⊙Chi phí khám chữa bệnh vượt quá một mức nhất định có thể được hoàn trả. (Chi phí y tế cao)

⊙Bạn có thể nhận được khoản thanh toán một lần sau khi sinh con (khoản thanh toán một lần cho việc sinh con và chăm sóc trẻ em), v.v.

国民健康保険に届出が必要なとき

Khi nào bạn cần thông báo cho Bảo hiểm Y tế Quốc gia

次のようなときは、必ず14日以内に国民健康保険に届出をしてください。届出に必要なものは国民健康保険担当課に確認しましょう。

国保に加入するとき

⦿日本に入国したとき

⦿引っ越してきたとき

⦿会社の健康保険などをやめたとき

⦿子どもが生まれたとき　など

国保をやめるとき

⦿日本から出国するとき

⦿他の市区町村に引っ越すとき

⦿会社の健康保険などに加入したとき

⦿死亡したとき　など

Trong các trường hợp sau đây, bạn phải thông báo cho Bảo hiểm Y tế Quốc gia trong vòng 14 ngày.
Vui lòng liên hệ với Bộ phận Bảo hiểm Y tế Quốc gia để biết thông tin về các giấy tờ cần thiết khi đến thông báo.

Khi tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia

⦿Khi nhập cảnh vào Nhật Bản

⦿Khi tôi chuyển đến

⦿Khi không còn được hưởng bảo hiểm y tế của công ty nữa, v.v.

⦿Khi con được sinh ra, v.v.

Khi hủy bỏ Bảo hiểm Y tế Quốc gia

⦿Khi rời Nhật Bản

⦿Khi chuyển đến một thành phố hoặc thị trấn khác.

⦿Khi đã tham gia chương trình bảo hiểm sức khỏe của công ty, v.v.

⦿Khi qua đời, v.v.

Tòa thị chính thành phố Yatsushiro, Sở Y tế và Phúc lợi, Phòng Bảo hiểm Y tế và Hưu trí Quốc gia

1-25 Matsuejo-machi, Yatsushiro-shi, Kumamoto-ken

Số điện thoại: 0965-33-4113